TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 7 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Ông Võ Văn Thành
- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.
Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TL.ST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự.
1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kiều T (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Cà M.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trần R (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Láng H, thị trấn Rạch G, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Kiều T trình bày: Bà và ông Nguyễn Trần R tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung khiến cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vợ chồng không còn chung sống với nhau cách đây khoảng 01 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông R. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Huy T (nam), sinh ngày 23/6/2017. Cháu Tiệp hiện đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tiệp đến khi thành niên và không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Trần R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Trần R; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Huy Tiệp (nam), sinh ngày 23/6/2017 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông R chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Nguyễn Kiều T và ông Nguyễn Trần R tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 2017. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông R phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 21/3/2019, bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông R, xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt và bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T, ông R.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân, giữa bà T, ông R tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà T, ông R phát sinh mâu thuẫn. Bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung khiến cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Bà T đã cố gắng giải quyết nhưng không được, do sự bất đồng giữa hai bên quá lớn, bà T, ông R đã ly thân từ nhiều tháng nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, bà T xác định không còn tình cảm với ông R nên cương quyết ly hôn. Đối với ông R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Từ những chứng cứ nêu trên xét thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông R là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông R có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Huy T (nam), sinh ngày 23/6/2017. Cháu T từ nhỏ đã sống chung với gia đình bà T, sau khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu Tiệp do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và đến thời điểm xét xử thì cháu Tiệp có độ tuổi dưới 36 tháng tuổi. Hiện tại chưa ghi nhận được ý kiến của ông R về yêu cầu nuôi con chung. Do đó, nhằm ổn định cuộc

sống và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu Tiệp nên giao cháu Tiệp cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông R chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông R có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà T cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Kiều T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Trần R.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Huy T (nam), sinh ngày 23/6/2017 cho bà Nguyễn Kiều T nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Nguyễn Trần R chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông R có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Kiều T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0018774 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà T đã nộp xong).

Nguyên đơn , bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh